

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /GXN-BTNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2021

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” - Khu phía Bắc (diện tích 369,63 ha)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN/CƠ SỞ:

- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ.
- Địa chỉ văn phòng: Số 768B, Ngô Gia Tự, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225 3814301 Fax: 0225 3765109
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2228055434 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 22/01/2018 (chứng nhận lần đầu ngày 06/5/2009).
- Quyết định số 1859/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” - Khu phía Bắc (diện tích 369,63 ha) (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN, CƠ SỞ:

Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- VPTN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ;
- Lưu: VT, TCMT, Liem(09).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số 54 /GXN-BTNMT ngày 19 tháng 7 năm 2021
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Công trình thu gom, thoát nước thải:

Đã xây dựng hệ thống đường cống và hố ga thu gom nước thải phát sinh từ các cơ sở đầu tư thứ cấp về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (KCN) Nam Đình Vũ - Khu phía Bắc (diện tích 369,63 ha) để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải là vùng nước biển ven bờ.

1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp:

Đã xây dựng mô-đun 01 của trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Đình Vũ - Khu phía Bắc với các thông số như sau:

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/ngày (24 giờ).
- Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Hồ kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Hồ sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận nước thải.
- Chế độ vận hành: Liên tục.
- Hóa chất sử dụng: CaO, H₂SO₄, Fe(OH)₃, Ca(OCl)₂.
- Thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục đã lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, DO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q = 1,3 và K_r = 1,0).

2. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đã xây dựng kho chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 150 m², đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Đã xây dựng kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 37,5 m², đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Đã xây dựng hồ sự cố có dung tích khoảng 5.772 m³ để ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khu phía Bắc của KCN. Trường hợp hệ thống xử lý nước

lê

thải tập trung của KCN gặp sự cố, cần phải thay thế hoặc sửa chữa máy móc, thiết bị, nước thải sẽ được lưu giữ tại hồ sự cố. Sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải của KCN để tiếp tục xử lý đạt quy định trước khi xả thải ra môi trường.

Hồ sự cố và phương án quay vòng, xử lý lại nước thải đáp ứng yêu cầu tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).

5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Đã trồng cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ trong KCN.
- Đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 119/GP-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019.
- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 31.001129.T ngày 13/12/2019 (cấp lại lần 1).

6. Chương trình quan trắc môi trường:

6.1. Quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: tại Bể chứa nước thải sau xử lý, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.
- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, DO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 1,3$ và $K_f = 1,0$); Đối với thông số DO: giám sát để nâng cao chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

6.2. Quan trắc nước thải định kỳ:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN; 01 vị trí tại Bể chứa nước thải sau xử lý, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr³⁺, Cr⁶⁺, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Clo dư, Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, Tổng PCB, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 1,3$ và $K_f = 1,0$).

U

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

7.1. Dữ liệu, số liệu của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng để theo dõi, giám sát theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Sau khi hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục truyền dẫn ổn định dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, đáp ứng yêu cầu về kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

7.2. Công trình xử lý nước thải đã xây dựng được nêu trong Giấy xác nhận này có công suất thiết kế 2.500 m³/ngày. Căn cứ tiến độ thu hút đầu tư, Công ty phải có kế hoạch mở rộng, nâng công suất công trình xử lý nước thải kịp thời, bảo đảm thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong KCN phù hợp với công suất của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

7.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này; thu gom, xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; quản lý chất thải theo đúng các quy định pháp luật.

7.4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 108 và 109 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

7.5. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự thay đổi liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để được điều chỉnh Giấy xác nhận theo quy định pháp luật. *Ch*